

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 5 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp
đến năm 2025 và những năm tiếp theo

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Trong những năm qua, lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh có sự phát triển và đạt được những kết quả quan trọng, thu hút được nhiều dự án đầu tư. Giá trị sản xuất, kim ngạch xuất khẩu tăng cao. Cơ cấu nội ngành công nghiệp có bước chuyển dịch tích cực; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng trưởng khá; công nghiệp sản xuất, phân phối điện tăng trưởng cao, bình quân 83,40%/năm; công nghiệp khai khoáng giảm. Các sản phẩm công nghiệp chủ lực được quan tâm phát triển; nhiều sản phẩm mới xuất hiện và chiếm tỷ trọng cao trong giá trị công nghiệp toàn tỉnh như thép, điện, bia, cọc sợi... Công nghiệp đang từng bước trở thành ngành kinh tế trọng tâm, góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế, giải quyết việc làm và đảm bảo an sinh xã hội của tỉnh.

Tuy vậy, phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng trưởng nhanh nhưng chưa bền vững, thu hút lao động địa phương còn ít. Đầu tư phát triển công nghiệp phụ thuộc vào doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Khối doanh nghiệp trong nước hầu hết là các cơ sở sản xuất có quy mô nhỏ; năng lực tài chính, sản xuất, kinh doanh, trình độ công nghệ và thiết bị còn hạn chế. Chất lượng, mẫu mã, thương hiệu của sản phẩm công nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu thị trường, sức cạnh tranh thấp, thiếu sự liên kết; phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản còn hạn chế.

Những hạn chế, yếu kém trong phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ yếu là nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chưa đầy đủ, chưa xác định được các mục tiêu và các giải pháp phát triển bền vững; một số cơ chế, chính sách đã ban hành nhưng thực hiện hiệu quả thấp. Kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp chưa đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, điện, nước, hệ thống thu gom xử lý chất thải chưa đáp ứng. Công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường xuất khẩu còn hạn chế, hiệu quả chưa cao. Việc nắm bắt, giải quyết các vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp có lúc chưa kịp thời; công tác mời gọi, thu hút đầu tư các dự án công nghiệp hỗ trợ kết quả thấp. Các địa phương hết sức khó khăn trong việc huy động nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng, thu hút dự án đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Công tác bảo vệ môi trường trong sản xuất

công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chưa được quan tâm đúng mức, việc kiểm soát các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường chưa hiệu quả. Công tác quản lý nhà nước về công nghiệp còn có những khó khăn, vướng mắc, thiếu nguồn lực; cơ chế, chính sách ưu đãi thu hút đầu tư, nhất là ưu đãi đầu tư về hạ tầng chưa phát huy hiệu quả.

II. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đặt trong mối quan hệ tổng thể, phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển công nghiệp vùng, công nghiệp cả nước và các quy hoạch ngành, lĩnh vực khác trên địa bàn.

- Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp là nhiệm vụ trung tâm trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; là cơ sở, động lực để phát triển các ngành nông nghiệp và dịch vụ thương mại. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp với đảm bảo quốc phòng, an ninh và giải quyết các vấn đề xã hội.

- Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phải nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm (hướng tới cuộc cách mạng công nghiệp 4.0); ưu tiên công nghệ hiện đại, tiên tiến, gắn chặt chẽ với bảo vệ môi trường, tuyệt đối không thực hiện các dự án không đảm bảo môi trường và nằm trong tổng thể môi trường nền không bị ảnh hưởng đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng trở thành khu kinh tế động lực của quốc gia và khu vực; là hạt nhân trong phát triển công nghiệp của tỉnh và khu vực. Tập trung phát triển ngành công nghiệp luyện kim và sản xuất điện năng theo quy hoạch; phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp cơ khí, công nghiệp chế biến, chế tạo sản phẩm sau thép, thực phẩm, đồ uống, dệt may, da giày, công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản; phát triển làng nghề, ngành nghề truyền thống.

Các dự án trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoạt động hiệu quả, giải quyết được nhiều việc làm cho người lao động.

2.2. Chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025

- Tỷ trọng công nghiệp trong GRDP đạt trên 35%; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt trên 20%.

- Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm khoảng 20 - 25%/năm; giá trị tăng thêm tăng bình quân khoảng 18 - 22%/năm. Số lượng lao động trong lĩnh vực công nghiệp tăng trên 7%/năm.

- Hình thành một số doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, tham gia cum liên kết ngành công nghiệp, doanh nghiệp công nghiệp trong nước có quy mô lớn, đa quốc gia, có năng lực cạnh tranh quốc tế. Hình thành các nhóm ngành xuất khẩu

sản phẩm công nghiệp chủ yếu như sắt, thép, sản phẩm sau thép, gỗ MDF, gỗ OKAL, dệt may...

- Thu ngân sách từ sản xuất công nghiệp chiếm 30 - 40% tổng thu ngân sách.
- Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ lắp đầy các khu công nghiệp đạt trên 70% và các cụm công nghiệp đạt trên 75%. Các khu, cụm công nghiệp đi vào hoạt động phải có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các lĩnh vực ngành vào quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2020 - 2030 tầm nhìn 2050, trong đó xem xét điều chỉnh một số chỉ tiêu về công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và mối quan hệ với các ngành khác nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh, đặc biệt quan tâm xem xét về quy mô, lộ trình thực hiện các dự án trọng điểm.

2. Phát triển một số ngành công nghiệp theo hướng bền vững

2.1. Đối với một số dự án công nghiệp trọng điểm

- Đôn đốc, tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với Công ty TNHH gang thép Hưng Nghiệp Formossa Hà Tĩnh khắc phục các tồn tại sau sự cố môi trường biển theo yêu cầu của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hoàn thiện và vận hành nhà máy, thiết bị phụ trợ đồng bộ kèm theo đạt công suất 7,1 triệu tấn thép/năm. Đồng thời phải tập trung cao phát triển các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ sử dụng nguyên liệu thép và phục vụ sản xuất thép.

Đôn đốc Công ty TNHH gang thép Hưng Nghiệp Formossa Hà Tĩnh tiếp tục đầu tư hoàn thiện và vận hành Nhà máy nhiệt điện Formosa với quy mô và công suất phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016.

- Đề nghị Trung ương cho dừng Dự án Khai thác mỏ sắt Thạch Khê, đồng thời chỉ đạo giải quyết tồn đọng, hoàn trả nguyên trạng, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống nhân dân vùng dự án.

- Tập trung hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhiệt điện Vũng Áng II hoàn thiện hồ sơ, thủ tục theo quy định để sớm triển khai trong năm 2018. Đánh giá tác động môi trường của các dự án đã cấp giấy chứng nhận đầu tư trong Khu kinh tế Vũng Áng để có cơ sở thu hút và cấp giấy chứng nhận đầu tư cho các dự án đầu tư vào Khu Kinh tế Vũng Áng trong thời gian tiếp theo.

- Đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án thủy điện, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo như: dự án thủy điện Hương Sơn 2, dự án thủy điện Ngàn Trươi, điện mặt trời, các dự án năng lượng gió...

2.2. Nhóm ngành công nghiệp nhẹ, cơ khí và công nghiệp hỗ trợ

Phát triển ngành công nghiệp cơ khí theo Chiến lược đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 15/3/2018, trong đó ưu tiên phát triển một số lĩnh vực như ô tô, máy nông nghiệp, thiết bị công trình, thiết bị công nghiệp, điện, y tế... phục vụ cho công nghiệp chế biến và các khu,

cụm công nghiệp; đồng thời nghiên cứu đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất các cơ sở công nghiệp cơ khí hiện có, nhất là tại cụm công nghiệp làng nghề Trung Lương; các dịch vụ sửa chữa, thay thế, bảo dưỡng, bảo trì trên địa bàn phù hợp với nhu cầu sử dụng trong và ngoài tỉnh.

Ưu tiên đầu tư phát triển công nghiệp nhẹ; hình thành và phát triển các ngành sản xuất dệt may, da giày tại khu vực phía Bắc của tỉnh.

Khuyến khích đầu tư các dự án, nhà máy sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Phát triển doanh nghiệp liên kết ngành công nghiệp, ưu tiên sản xuất sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, chuyên môn hóa và chuỗi giá trị quốc gia, khu vực, toàn cầu... Thu hút đầu tư các dự án sản xuất nguyên liệu đầu vào hoặc tiêu thụ thành phẩm, bán thành phẩm của các nhà máy sản xuất gỗ MDF máy sản xuất gỗ MDF/HDF, OKAL/OSB, ván ghép thanh, Nhà máy sợi Vinatex - Hồng Lĩnh... nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm.

2.3. Nhóm ngành công nghiệp công nghệ thông tin, công nghệ cao, công nghiệp sạch

- Triển khai thực hiện phát triển công nghiệp công nghệ thông tin gắn với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; đầu tư hạ tầng hoàn chỉnh để thu hút đầu tư xây dựng phát triển Khu công nghệ thông tin tập trung tại thành phố Hà Tĩnh.

- Thực hiện Chương trình phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao theo Quyết định số 347/QĐ-TTg ngày 22/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ nhằm phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam đến năm 2025 theo Quyết định số 192/QĐ-TTg ngày 13/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

2.4. Nhóm ngành công nghiệp vật liệu xây dựng

Phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng theo quy hoạch đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, ưu tiên các sản phẩm vật liệu xây dựng không nung chất lượng cao. Khuyến khích phát triển một số sản phẩm vật liệu xây dựng mới phù hợp với điều kiện của tỉnh và nhu cầu của thị trường (như kính, tấm lợp, đá ốp lát, vật liệu composite...).

Tăng cường việc thu hút đầu tư các dự án xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện gang, thép, nhà máy hóa chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong các công trình xây dựng theo Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 12/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

2.5. Nhóm ngành công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp

Phát triển các ngành công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp như chế biến nông sản, lâm sản, thủy hải sản... theo hướng ưu tiên các nhà đầu tư sử dụng công nghệ tiên tiến, chất lượng cao; sản xuất theo hướng liên kết, đa dạng hóa sản phẩm. Tăng nguồn kinh phí khuyến công địa phương để tạo động lực thúc đẩy công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp phát triển.

Hỗ trợ phát triển một số sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp mới, nhất là các sản phẩm được chế biến từ sản phẩm nông nghiệp chủ lực

của tỉnh gắn với thực hiện “Đề án mỗi xã một sản phẩm”. Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án khôi phục, phát triển và hiện đại hóa các làng nghề truyền thống theo hướng tập trung nâng cao giá trị các sản phẩm truyền thống hiện có của tỉnh như chè, hoa quả, thủy sản, gỗ, rèn đúc, chăn đệm...

3. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại gắn với việc hình thành chuỗi logistics

Đổi mới, nâng cao năng lực và hiệu quả công tác xúc tiến thương mại có trọng tâm, trọng điểm. Nâng cao trình độ tính chuyên nghiệp cho đội ngũ cán bộ làm công tác xúc tiến thương mại để hướng dẫn, giúp đỡ các doanh nghiệp công nghiệp tham gia hiệu quả các hiệp định thương mại mà Việt Nam tham gia. Đa dạng hóa thị trường nhập khẩu nguyên liệu, thiết bị phục vụ phát triển công nghiệp, tránh phụ thuộc vào một số thị trường.

Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp song hành với phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch trong xu thế hội nhập, gắn liền với việc hình thành chuỗi logistics. Xây dựng Trung tâm logistics Vũng Áng phục vụ cho khu vực miền Trung, kết nối với hành lang kinh tế Đông - Tây và giao thương quốc tế.

Xây dựng Chương trình xúc tiến thương mại, trong đó chú trọng quảng bá thương hiệu mẫu mã hàng hóa trên các phương tiện truyền thông; phát triển thương mại điện tử, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong xúc tiến thương mại. Xây dựng Chương trình hỗ trợ phát triển thương hiệu cho một số sản phẩm công nghiệp nông thôn chủ lực; xây dựng mối liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp trên địa bàn để hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, cung cấp nguyên vật liệu... Tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước để gắn kết, hỗ trợ tiêu thụ ổn định sản phẩm công nghiệp với các thị trường trong nước và xuất khẩu.

4. Xây dựng cơ chế chính sách, khuyến khích phát triển doanh nghiệp công nghiệp

Thực hiện hiệu quả Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Kế hoạch số 26-KL/TU, ngày 24/10/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về một số nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong thời gian tới.

Điều chỉnh, bổ sung một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư phát triển công nghiệp. Xây dựng cơ chế, chính sách đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo, trong đó tập trung vào một số lĩnh vực như công nghiệp chế tạo sau thép (công nghiệp phụ trợ), công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao... Xây dựng Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn phù hợp với quy định của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan, phù hợp với tình hình thực tế để tạo sức thu hút các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng, dự án sản xuất trong cụm công nghiệp.

5. Đầu tư kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp

- Rà soát hiện trạng, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch; huy động các nguồn lực đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng để phát triển công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp. Xác định rõ hạng mục công trình trong các khu công nghiệp để xây dựng kế hoạch đầu tư công từng giai đoạn; đồng thời tăng cường công tác xã hội hóa đầu tư một số khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Rà soát, đánh giá, lựa chọn một số cụm công nghiệp có tỷ lệ lắp đầy khá, khó có khả năng kêu gọi xã hội hóa đầu tư để có phương án bố trí ngân sách, tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng, ưu tiên cho các công trình xử lý nước thải, chất thải, đường giao thông, cấp điện, cấp nước.

- Xây dựng chương trình, phương án hỗ trợ các nhà đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trong việc kết nối hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước) của cụm với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung và hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc thành lập, phát triển doanh nghiệp thành các nhà đầu tư thứ cấp.

- Lựa chọn một số làng nghề đã phát triển, có khả năng phát triển cao để ưu tiên đầu tư từ ngân sách và xã hội hóa đầu tư; gắn phát triển làng nghề với cụm công nghiệp làng nghề. Nhân rộng mô hình xã hội hóa đầu tư các cụm công nghiệp làng nghề như cụm công nghiệp Thái Yên, cụm công nghiệp Yên Huy... Quan tâm hỗ trợ đầu tư hạ tầng một số làng nghề khó khăn trong giao thông, điện nước và xử lý chất thải...

6. Ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào quá trình sản xuất

Ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ “cao, mới, sạch, tiết kiệm”, sử dụng nguyên liệu, linh kiện, phụ kiện sản xuất trong nước. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh của hàng hoá trên thị trường trong và ngoài nước. Tăng cường công tác thẩm tra, thẩm định công nghệ để lựa chọn công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện với môi trường; hạn chế, tiến tới loại bỏ các công nghệ lạc hậu, công nghệ cũ; chú trọng công tác an toàn phòng, chống cháy nổ, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

7. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực từng bước đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế

Thực hiện có hiệu quả Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của tỉnh giai đoạn 2011-2020; các chương trình, kế hoạch về đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2017 - 2020. Thực hiện xã hội hóa công tác đào tạo nhân lực công nghiệp chất lượng cao, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, đào tạo với hoạt động sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động công nghiệp.

Xây dựng cơ chế, chính sách để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh. Khuyến khích và tạo điều kiện để các nhà đầu tư dự án trọng điểm, các dự án lớn tham gia tích cực vào quá trình đào tạo nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp. Triển khai thực hiện chính sách về nhà ở và các công trình phúc lợi cho người lao động tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

8. Tăng cường thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 07/12/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với một số lĩnh vực về bảo vệ môi trường đến năm 2025 và những năm tiếp theo. Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các cam kết, giải pháp bảo vệ môi trường của các chủ dự án. Nâng cao chất lượng dự báo, chủ động ứng phó, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tập trung, kiểm tra việc xử lý chất thải rắn tại các khu, cụm công nghiệp. Thực hiện di dời các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường nằm xen kẽ các khu dân cư, đô thị vào khu, cụm công nghiệp.

Đối với các địa bàn có quy hoạch khu, cụm công nghiệp thì không chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án đầu tư có tính chất công nghiệp nằm ngoài, lân cận các khu, cụm công nghiệp đã quy hoạch để đảm bảo công tác xử lý, bảo vệ môi trường. Đối với các địa bàn có khoảng cách xa với các khu, cụm công nghiệp thì định hướng quy hoạch các địa điểm thực hiện dự án đầu tư có tính chất công nghiệp thành vùng tập trung. Riêng đối với khu kinh tế, việc thu hút đầu tư phải đảm bảo theo quy hoạch được phê duyệt. Việc thành lập mới, mở rộng khu, cụm công nghiệp phải đảm bảo tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp đã có theo đúng quy định.

Thực hiện kế hoạch áp dụng sản xuất sạch trong công nghiệp, chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả nhằm khuyến khích áp dụng sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên, nhiên liệu và năng lượng vào sản xuất, bảo đảm môi trường.

Quan tâm công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất chế biến thực phẩm tại các cơ sở sản xuất.

9. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước

Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp uỷ đảng và hệ thống chính trị tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị và Nghị quyết về đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh Hà Tĩnh; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển công nghiệp với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển công nghiệp vùng, công nghiệp cả nước. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy đảng về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh.

Tiếp tục triển khai hiệu quả cải cách hành chính; tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm các cấp, các ngành. Thường xuyên quan tâm, theo dõi tình hình hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, kịp thời tháo gỡ, giải quyết những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị của doanh nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở sản xuất công nghiệp mở rộng quy mô, nâng cao

hiệu quả hoạt động, tiếp cận thị trường. Quan tâm chăm lo đời sống nhân dân có đất bị thu hồi để phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về công nghiệp các cấp; xây dựng, tổ chức thực hiện tốt quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các khu, cụm công nghiệp và làng nghề trên địa bàn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền tổ chức quán triệt sâu rộng Nghị quyết đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân; xây dựng chương trình hành động, kế hoạch cụ thể để thực hiện Nghị quyết phù hợp với đặc điểm, tình hình của ngành, địa phương, đơn vị.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, đề án, chương trình, kế hoạch và bố trí ngân sách để thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo các sở, ban, ngành, các địa phương xây dựng các chương trình, đề án, dự án và kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, trong đó xác định rõ các nội dung cần tập trung triển khai thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan gắn với lộ trình thực hiện mục tiêu Nghị quyết.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các ban Đảng xây dựng kế hoạch phổ biến, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết trong toàn Đảng bộ.

4. Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để phối hợp phổ biến, tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia thực hiện Nghị quyết.

5. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các đảng đoàn và ban cán sự đảng theo chức năng, nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết; định kỳ báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo quy định.

Nghị quyết được quán triệt đến tận đảng viên và tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong nhân dân.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Các ban Đảng, UBKT, Văn phòng TW Đảng,
- Ban Cán sự Đảng Bộ Công Thương,
- Đảng ủy Quân khu 4,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.



Lê Đình Sơn